

Chuyển đổi mô hình hoạt động từ phi chính thức sang chính thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa qua cải tiến, đổi mới sản phẩm

PGS. TS. TRƯƠNG ĐỨC THAO

*Trưởng khoa Quản trị kinh doanh,
Trường Đại học Đại Nam*

- NGÀY NHẬN BÀI: 8/8/2022 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 14/8/2022
- NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 23/8/2022

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa ở Việt Nam trong các năm 2011, 2013 và 2015 để đánh giá ảnh hưởng của chuyển đổi mô hình hoạt động từ phi chính thức sang chính thức hóa đến kết quả cải tiến, đổi mới sản phẩm tại các doanh nghiệp. Bộ dữ liệu này được điều tra bởi trường Đại học Liên hợp quốc (UNU), dữ liệu được xử lý trên phần mềm Stata 12 và bằng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính OLS. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ phi chính thức sang chính thức hóa có tác dụng thúc đẩy đáng kể kết quả cải tiến, đổi mới sản phẩm tại các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa Việt Nam.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính thức hóa, đổi mới sáng tạo, cải tiến.

1. GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU

Các doanh nghiệp ngày nay thường tập trung vào hai chiến lược chủ yếu để tạo lợi thế cạnh tranh, đó là: (1) Cạnh tranh bằng chi phí thấp; và (2) Cạnh tranh bằng sự khác biệt hóa. Trong đó, cạnh tranh bằng khác biệt hóa đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng đổi mới, cải tiến sản phẩm, do vậy, có thể nói, cải tiến và đổi mới sản phẩm đang ngày càng trở nên quan trọng đối với lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp quy

mô nhỏ. Có hai cách tiếp cận nghiên cứu về cải tiến, đổi mới, đó là: (1) coi cải tiến, đổi mới như một quá trình; và (2) coi cải tiến, đổi mới như một kết quả (Crossan & Apaydin, 2010). Mặc dù cải tiến, đổi mới như một quá trình diễn ra trước cải tiến, đổi mới như một kết quả nhưng cho đến nay khía cạnh này vẫn nhận được ít sự quan tâm hơn các vấn đề khác (Crossan & Apaydin, 2010). Tác giả Nhâm Phong Tuân khẳng định, nói đến cải tiến, đổi mới là nói đến các hoạt động đổi mới (sản phẩm,

CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI SẢN PHẨM ĐANG NGÀY CÀNG TRỞ NÊN QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP QUY MÔ NHỎ.

quy trình, marketing, tổ chức) và kết quả của các hoạt động đó (Nhâm Phong Tuấn, 2016). Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến kết quả cải tiến, đổi mới trong các doanh nghiệp, chẳng hạn như, vai trò của vốn tri thức (Prajogo & Ahmed, 2006), quản trị vốn tri thức (Jassawalla & Sashittal, 1998; Subramaniamand & Youndt, 2005), hay mới đây là vai trò của chính thức hóa doanh nghiệp (Thao & Phuong, 2022),... Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng nội hàm kết quả cải tiến, đổi mới của doanh nghiệp thông qua 3 biểu hiện của nó là: (1) cải tiến, đổi mới sản phẩm (hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1)); (2) thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2); và (3) thực hiện nâng cấp quy trình và công nghệ sản xuất (Cải tiến 3)).

Ở Việt Nam, có nhiều hình thức hoạt động kinh doanh phi chính thức như, các tiểu thương kinh doanh tự phát, kinh doanh hộ gia đình tự phát, tổ nhóm kinh doanh tự phát..., không có đăng ký kinh doanh, không thành lập doanh nghiệp, hoặc thành lập doanh nghiệp nhưng chưa có tư cách pháp nhân, quy mô nhỏ, hệ thống hạch toán kế toán chưa đầy đủ... Điều này gây cản trở quá trình quản lý của Nhà nước, kìm hãm sự phát triển của chính các doanh nghiệp phi chính thức. Trong những năm

gần đây, hàng loạt các hoạt động đào tạo, tư vấn đã được triển khai ở các địa phương nhằm hướng dẫn các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức hóa (Thao & Phuong, 2022). Thực tế cho thấy, nhiều chủ thể kinh doanh không muốn chính thức hóa hoạt động của mình vì cho rằng, chính thức hóa sẽ dẫn đến tăng các chi phí liên quan đến đăng ký, thanh toán thuế và bảo hiểm cho nhân viên... Do đó, một số lượng lớn các doanh nghiệp vẫn chưa đăng ký (Cling, Razafindrakoto, & Roubaud, 2012). Tuy nhiên, việc chính thức hóa sẽ tạo ra rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như, tiếp cận tốt hơn với hàng hóa và dịch vụ công, cơ sở hạ tầng, có điều kiện để xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai (García-Herrero, Gavilá, & Santabárbara, 2009). Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, do các điều kiện về vốn, công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế, do vậy, cần xác định rõ chiến lược, định hướng khác biệt sản phẩm để tạo lợi thế cạnh tranh (Trương Đức Thao & Nguyễn Đức Xuân, 2020), cần tạo lập các nguồn vốn tri thức phục vụ cho hoạt động cải tiến, đổi mới để duy trì năng lực cạnh tranh của mình (Lê Anh Hưng, 2021).

Hầu hết các chính phủ đều coi các doanh nghiệp nhỏ và vừa là quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, phân phối thu nhập và tạo việc làm (Ayyagari, Demirguc-Kunt, & Maksimovic, 2014). Ở Việt Nam, số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số trong nền kinh tế, đặc biệt là phần lớn trong số chúng thuộc khu vực tư nhân (Thao & Phuong, 2022). Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa lại hoạt động trong nền

kinh tế phi chính thức, do đó, Chính phủ hiện đang thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy thành lập mới doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức hoạt động từ phi chính thức sang chính thức (Thao & Phuong, 2022), và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động cải tiến, đổi mới trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Lê Anh Hưng, 2021).

Như vậy, để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân chuyển đổi sang chính thức hóa, cần thiết phải cho thấy sự ảnh hưởng của việc chính thức hóa đến hoạt động của các doanh nghiệp, mà kết quả cải tiến, đổi mới sản phẩm là một vấn đề hết sức quan trọng, bởi nó tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt, và xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt tại khu vực tư nhân ở nước ta.

2. NGUỒN SỐ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

2.1. Nguồn số liệu

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này được trích xuất từ 3 cuộc điều tra của các doanh nghiệp sản xuất tư nhân vừa và nhỏ trong năm 2011, 2013 và 2015. Bộ dữ liệu này được điều tra bởi trường Đại học Liên hợp quốc (UNU). Bộ dữ liệu là dữ liệu mảng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tư nhân bao gồm tất cả các lĩnh vực sản xuất chứa thông tin chính về hoạt động cải tiến, đổi mới, tình trạng chính thức hóa của doanh nghiệp và các đặc điểm của doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá tác động của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, mô hình dựa trên các nghiên cứu trước đây. Ví dụ, theo (Rand

KẾT QUẢ CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XEM XÉT THÔNG QUA 3 BIỂU HIỆN CỦA NÓ LÀ: (1) CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI SẢN PHẨM (HOẠT ĐỘNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MỚI (CẢI TIẾN 1)); (2) THỰC HIỆN NÂNG CẤP SẢN PHẨM (CẢI TIẾN 2); VÀ (3) THỰC HIỆN NÂNG CẤP QUY TRÌNH VÀ CÔNG NGHỆ SẢN SUẤT (CẢI TIẾN 3)).

& Torm, 2012), ta có:

$$Y_{it} = \alpha_1 + \alpha_2 * Formalization_{it} + \alpha_3 * X_{it} + \alpha_4 * Z_{it} + v$$

Trong đó:

Y_{it} là biến phụ thuộc, bao gồm hoạt động đổi mới sáng tạo như hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1), thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2), hoặc thực hiện nâng cấp quy trình và công nghệ sản xuất (Cải tiến 3).

Formalization: Đo lường tình trạng chính thức hóa của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa.

X_{it} : Là véc tơ, bao gồm các đặc điểm của doanh nghiệp như quy mô doanh nghiệp (số lao động); tuổi doanh nghiệp (số năm hoạt động); hoạt động xuất khẩu; trả phí phi chính thức; chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng Cộng sản, và doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh.

Z_{it} : Là các biến phân loại đặc điểm về ngành (công nghệ thấp, cao và trung bình) và biến giả thời gian để kiểm soát các nhân tố không quan sát được theo thời gian có

DỮ LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU NÀY ĐƯỢC TRÍCH XUẤT TỪ 3 CUỘC ĐIỀU TRA CỦA CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TƯ NHÂN VỪA VÀ NHỎ TRONG NĂM 2011, 2013 VÀ 2015. BỘ DỮ LIỆU NÀY ĐƯỢC ĐIỀU TRA BỞI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LIÊN HỢP QUỐC (UNU).

ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp.

Dựa trên bộ số liệu của trường Đại học liên hợp quốc (UNU) khảo sát tại Việt Nam trong các năm 2011, 2013 và 2015, tác giả tiến hành ước lượng mô hình bằng phương pháp hồi quy tuyến tính theo phương trình toán học đã xây dựng để xác định mức độ và chiều hướng tác động của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

3. KẾT QUẢ VÀ VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

3.1. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động cải tiến, đổi mới tổng thể

Kết quả phân tích hồi quy ở các Bảng 1, 2, 3 và 4 cho thấy, nhìn chung, các doanh nghiệp chính thức hóa đều có khả năng cải tiến, đổi mới cao hơn so với các doanh nghiệp chưa chính thức hóa. Kết quả này là nhất quán ngay cả khi mô hình kiểm soát các đặc điểm quan trọng của doanh nghiệp như quy mô, số năm thành lập, trình độ công nghệ, và vốn xã hội của doanh nghiệp. Ví dụ, kết quả Bảng 1 cho thấy, các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa hoạt động chính thức hóa có khả năng sáng tạo cao hơn 14% so với các doanh nghiệp chưa chính

thức hóa. Trong đó, quy mô công ty tác động tích cực đến quá trình chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức; các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu sẽ thúc đẩy quá trình này mạnh mẽ hơn; các doanh nghiệp là thành viên hiệp hội kinh doanh sẽ có xu hướng chuyển đổi tích cực hơn các doanh nghiệp mà người đứng đầu là đảng viên; và các doanh nghiệp có công nghệ thấp, lạc hậu sẽ cản trở quá trình chính thức hóa, và qua đó tác động tiêu cực đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa của Việt Nam. Như vậy, quá trình chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức càng nhanh thì kết quả cải tiến, đổi mới của các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa ở nước ta sẽ càng mạnh mẽ, và các doanh nghiệp có các đặc điểm khác nhau sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi khác nhau, qua đó sẽ gián tiếp tác động đến kết quả cải tiến, đổi mới của các doanh nghiệp này.

3.2. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến từng thành phần của cải tiến, đổi mới sản phẩm

3.2.1. Đối với hoạt động giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường

Kết quả dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy, các doanh nghiệp chính thức hóa sẽ tác động tích cực đến khả năng đổi mới sáng tạo trong giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường cao hơn so với các doanh nghiệp phi chính thức (4,3%). Tuy nhiên, có thể thấy sự khác biệt này là khá thấp, và các biến về đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm ngành nghề cũng không có tác động rõ rệt đến hoạt động giới thiệu sản phẩm mới, bất

Bảng 1: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động cải tiến, đổi mới tổng thể

Biến giải thích	ĐMST	ĐMST	ĐMST	ĐMST
	(1)	(2)	(3)	(4)
Tình trạng chính thức hóa	0.140***	0.143***	0.103***	0.105***
	(0.013)	(0.014)	(0.014)	(0.014)
Quy mô doanh nghiệp			0.001***	0.001***
			(0.000)	(0.000)
Tuổi doanh nghiệp			-0.001	-0.001
			(0.001)	(0.001)
Hoạt động xuất khẩu			0.110***	0.108***
			(0.028)	(0.029)
Trả phí phi chính thức			0.009	0.010
			(0.013)	(0.013)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng Cộng sản			0.007	0.006
			(0.021)	(0.022)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0.094***	0.092***
			(0.024)	(0.024)
Công nghệ thấp			-0.115***	-0.113***
			(0.019)	(0.019)
Công nghệ trung bình			-0.086***	-0.084***
			(0.020)	(0.021)
Số quan sát	5,400	5,400	5,381	5,381
<p><i>Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sáng tạo tổng thể, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** p < 0,01, ** p < 0,05, * p < 0,1. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở</i></p>				

Bảng 2: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường

Biến giải thích	ĐMSTSP	ĐMSTSP	ĐMSTSP	ĐMSTSP
	(1)	(2)	(3)	(4)
Tình trạng chính thức hóa	0.043***	0.043***	0.044***	0.045***
	(0.008)	(0.008)	(0.008)	(0.009)
Quy mô doanh nghiệp			0.000	0.000
			(0.000)	(0.000)
Tuổi doanh nghiệp			0.001***	0.001***
			(0.000)	(0.000)
Hoạt động xuất khẩu			0.007	0.007
			(0.014)	(0.014)
Trả phí phi chính thức			-0.019***	-0.019***
			(0.007)	(0.007)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng Cộng sản			0.007	0.007
			(0.011)	(0.011)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0.007	0.007
			(0.012)	(0.012)
Công nghệ thấp			-0.023**	-0.022**
			(0.010)	(0.010)
Công nghệ trung bình			-0.012	-0.012
			(0.010)	(0.010)
Số quan sát	5,400	5,400	5,381	5,381

*Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở*

Bảng 3: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động cải tiến, đổi mới sản phẩm hiện có

Biến giải thích	ĐMSPHC	ĐMSPHC	ĐMSPHC	ĐMSPHC
	(1)	(2)	(3)	(4)
Tình trạng chính thức hóa	0.110***	0.112***	0.072***	0.073***
	(0.012)	(0.013)	(0.013)	(0.013)
Quy mô doanh nghiệp			0.001***	0.001***
			(0.000)	(0.000)
Tuổi doanh nghiệp			-0.002***	-0.002***
			(0.001)	(0.001)
Hoạt động xuất khẩu			0.102***	0.098***
			(0.024)	(0.025)
Trả phí phi chính thức			0.013	0.015
			(0.012)	(0.012)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng Cộng sản			0.015	0.015
			(0.019)	(0.019)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0.075***	0.071***
			(0.021)	(0.021)
Công nghệ thấp			-0.116***	-0.114***
			(0.016)	(0.017)
Công nghệ trung bình			-0.084***	-0.081***
			(0.018)	(0.018)
Số quan sát	5,400	5,400	5,381	5,381

*Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sản phẩm hiện có, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở*

kể doanh nghiệp hoạt động chính thức hay phi chính thức.

3.2.2. Đối với hoạt động cải tiến, đổi mới sản phẩm hiện có

Hoạt động cải tiến, đổi mới sản phẩm hiện có, các doanh nghiệp chính thức hóa sẽ tác động tích cực đến đổi mới sản phẩm hiện có hơn là các doanh nghiệp phi chính thức và cao hơn ở mức 11%. Thực vậy, các doanh nghiệp có kết quả đổi mới sản phẩm tốt khi có khả năng tích lũy và khai thác tốt các nguồn vốn tri thức, muốn vậy, doanh nghiệp cần có cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động chặt chẽ để đảm bảo sự liên tục và phong phú của các tài sản tri thức (Lê Anh Hưng, 2021; Nhâm Phong Tuân, 2016). Điều này chỉ có được khi các doanh nghiệp hoạt động dưới dạng chính thức hóa. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thuộc ngành có công nghệ chậm tiến, lạc hậu thì sẽ tác động tiêu cực đến đổi mới các sản phẩm hiện có, và các doanh nghiệp tham gia vào các hiệp hội kinh doanh sẽ tác động tích cực đến hoạt động này.

3.2.3. Đối với hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình

Mức độ chính thức hóa cũng có tác động tích cực đến kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo công nghệ và quy trình hơn các doanh nghiệp hoạt động phi chính thức (5,5%).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHẲNG ĐỊNH, CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHỎ VÀ VỪA CHÍNH THỨC HÓA ĐỀU CÓ KHẢ NĂNG CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI SẢN PHẨM CAO HƠN SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CHƯA CHÍNH THỨC HÓA.

Từ kết quả dữ liệu cho thấy, các doanh nghiệp trong ngành có công nghệ thấp và trung bình vẫn tác động tiêu cực đến hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình, tuy nhiên khác với các khía cạnh trên, các doanh nghiệp trong ngành có công nghệ trung bình sẽ cản trở mạnh hơn các doanh nghiệp trong ngành có công nghệ thấp. Rất nhiều các nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước đều nhấn mạnh cải tiến, đổi mới quy trình có tác động mạnh đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp (Barbieri, Buonomo, Farnese, & Benevene, 2021; Beltramino, García-Perez-de-Lema, & Valdez-Juárez, 2020; Lê Anh Hưng, 2021; Nhâm Phong Tuân, 2016)... Như vậy, hoạt động của doanh nghiệp cần được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, thiết kế linh hoạt và có tổ chức, điều này sẽ tốt hơn nếu doanh nghiệp hoạt động chính thức hóa.

4. KẾT LUẬN

Ở nước ta đã có nhiều tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, tài liệu của các ban, ngành từ Trung ương đến địa phương nhấn mạnh về vai trò, lợi ích của việc chuyển đổi hình thức hoạt động của các đơn vị kinh tế từ phi chính thức sang chính thức. Các doanh nghiệp hoạt động chính thức hóa sẽ đạt được nhiều lợi ích khác nhau như, mở rộng quy mô hoạt động, tăng số lượng lao động, tăng khả năng huy động vốn... Trong những năm gần đây, một số nghiên cứu ở trong nước đề cập đến tác động của việc chính thức hóa đối với khả năng tiếp cận vốn vay, tác động của chính thức hóa đến tiếp cận tín dụng theo thời gian và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp (Thao & Phuong, 2022). Bên

Bảng 4: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ và quy trình

Biến giải thích	ĐMSTQT	ĐMSTQT	ĐMSTQT	ĐMSTQT
	(1)	(2)	(3)	(4)
Tình trạng chính thức hóa	0.055***	0.055***	0.036***	0.036***
	(0.009)	(0.009)	(0.009)	(0.009)
Quy mô doanh nghiệp			0.001***	0.001***
			(0.000)	(0.000)
Tuổi doanh nghiệp			-0.001*	-0.001*
			(0.000)	(0.000)
Hoạt động xuất khẩu			0.027*	0.028*
			(0.015)	(0.015)
Trả phí phi chính thức			0.013*	0.012*
			(0.007)	(0.007)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng Cộng sản			-0.002	-0.000
			(0.012)	(0.013)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0.037***	0.036***
			(0.013)	(0.013)
Công nghệ thấp			-0.007	-0.007
			(0.011)	(0.011)
Công nghệ trung bình			-0.024**	-0.024*
			(0.012)	(0.012)
Số quan sát	5,400	5,400	5,381	5,381
<p><i>Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối biến giả năm *** p < 0,01, ** p < 0,05, * p < 0,1. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở</i></p>				

cạnh đó, số ít các nghiên cứu đề cập đến các nhân tố tác động đến đổi mới sáng tạo; các nhân tố đó thường là các thành phần của vốn tri thức, quản trị đổi mới sáng tạo..., và thường gắn với đối tượng doanh nghiệp có quy mô lớn, không phân biệt doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công hay tư (Lê Anh Hưng, 2021). Do vậy, nghiên cứu này lần đầu tiên tiếp cận xem xét tác động của việc chính thức hóa hoạt động của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa đến kết quả cải tiến, đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp và xem xét đến các yếu tố như quy mô, thời gian, đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm ngành/lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả khẳng định, các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa chính thức hóa đều có khả năng cải tiến, đổi mới sản phẩm cao hơn so với các doanh nghiệp chưa chính thức hóa. Kết quả này là nhất quán ngay cả khi tính đến các đặc điểm quan trọng của doanh nghiệp như quy mô, số năm thành lập, trình độ công nghệ và vốn xã hội của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ayyagari, M., Demirgüç-Kunt, A., & Maksimovic, V. (2014). Who creates jobs in developing countries? *Small Business Economics*, 43(1), 75-99
- Barbieri, B., Buonomo, I., Farnese, M. L., & Benevene, P. (2021). Organizational Capital: A Resource for Changing and Performing in Public Administrations. *Sustainability*, 13(10). doi:<https://doi.org/10.3390/su13105436>
- Beltramo, N. S., García-Perez-de-Lema, D., & Valdez-Juárez, L. E. (2020). The structural capital, the innovation and the performance of the industrial SMES. *Journal of Intellectual Capital*, 21(6), 913-945
- Cling, J. P., Razafindrakoto, M., & Roubaud, F. (2012). To be or not to be registered? Explanatory factors behind formalizing non-farm household businesses in Vietnam. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 17(4), 632-652
- Crossan, M. M., & Apaydin, M. (2010). A Multi-Dimensional Framework of Organizational Innovation: A Systematic Review of the Literature. *Journal of Management Studies*, 47, 1154-1191
- García-Herrero, A., Gavilá, S., & Santabarbara, D. (2009). What explains the low profitability of Chinese banks? *Journal of Banking & Finance*, 33(11), 2080-2092
- Jassawalla, A. R., & Sashittal, H. C. (1998). An examination of collaboration in high technology new product development processes. *Journal of Product Innovation Management: An international publication of the product development & management association*, 15 (3), 237 - 254
- Lê Anh Hưng. (2021). Tác động của Vốn tri thức đến Đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp ở Việt Nam. (Luận án tiến sĩ), Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
- Nhâm Phong Tuân. (2016). Phân tích đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
- Prajogo, D. I., & Ahmed, P. K. (2006). Relationships between innovation stimulus, innovation capacity, and innovation performance. *R & D Management*, 36 (5), 499 - 515
- Rand, J., & Torm, N. (2012). The benefits of formalization: Evidence from Vietnamese manufacturing SMEs. *World Development*, 40(5), 983-998
- Subramaniamand, M., & Youndt, M. A. (2005). The influence of intellectual capital on the types of innovative capabilities. *Academy Manage Journal*, 48 (3), 450 - 463
- Thao, T. D., & Phuong, B. C. (2022). The lasting effect of formalization on credit access: The evidence from Vietnamese private SMEs. *Finance Research Letters*. doi:102729
- Trương Đức Thao, & Nguyễn Đức Xuân. (2020). Thực trạng định hướng thị trường và mối quan hệ tác động đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam. *Nghiên cứu Kinh tế*, 12(511).